

Số: 1335/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Cục trưởng Cục Viễn thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Bãi bỏ nội dung thủ tục hành chính kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện tại Quyết định số 750/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (KSTTHC), CVT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Đức Long

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	1.004947	Kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện	Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT ngày 30/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT ngày 14/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục và Quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định.	Viễn thông và Internet	Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đề nghị kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định. - Tổ chức thẩm định (Trung tâm Đo lường Chất lượng viễn thông thuộc Cục Viễn thông) tiếp nhận hồ sơ, tiến hành xem xét, trả lời tổ chức, doanh nghiệp trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, tổ chức kiểm định có thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức kiểm định thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp bằng văn bản về việc đã
--------------------	---

	tiếp nhận hồ sơ và thông báo phí thẩm định. - Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nộp phí thẩm định Trong vòng 15 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm định thông báo tiếp nhận hồ sơ, phí thẩm định. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không nộp phí thẩm định đúng thời hạn, tổ chức kiểm định có quyền từ chối thẩm định và thông báo bằng văn bản tới tổ chức, doanh nghiệp. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định theo quy định, tổ chức kiểm định tiến hành thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định. - Trong quá trình thẩm định, trường hợp hồ sơ kiểm định có những điểm không phù hợp, tổ chức kiểm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp, nêu rõ những điểm không phù hợp. + Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm định thông báo những điểm không phù hợp, tổ chức, doanh nghiệp khắc phục những điểm không phù hợp và gửi lại tổ chức kiểm định. + Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ khắc phục những điểm không phù hợp từ tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức kiểm định thực hiện thẩm định lại việc khắc phục những điểm không phù hợp và trả kết quả thẩm định cho tổ chức, doanh nghiệp. + Trường hợp không nộp hồ sơ khắc phục đúng thời hạn, tổ chức kiểm định có quyền từ chối tiếp tục thẩm định, không phải hoàn lại phí thẩm định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp
Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp tại trụ sở tổ chức kiểm định (Trung tâm Đo lường chất lượng viễn thông Tầng 7 tòa nhà VNTA 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu giấy, Thành phố Hà Nội). - Nộp qua hệ thống bưu chính. - Nộp qua hình thức trực tuyến.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT. - Kết quả đo kiểm được lập bởi đơn vị đo kiểm Quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT. - Các tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (trong trường hợp kiểm định lần đầu) 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức kiểm định (Trung tâm Đo lường Chất lượng viễn thông).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy chứng nhận kiểm định.
Lệ phí (nếu có)	1.100.000 đồng/01 lần thẩm định (theo quy định tại Thông tư số 82/2020/TT-BTC ngày 22/9/2020 của Bộ Tài chính).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)	- Đơn đề nghị kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT. - Danh sách các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng đề nghị kiểm định theo mẫu 2.1 Phụ lục số 02 Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông. - Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 23/11/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 09/11/ 2022; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/ 2006; - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông. - Thông tư 07/2020/TT-BTTTT ngày 14/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện. - Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT ngày 14/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục và Quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định. - Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT ban hành Danh mục và Quy trình

	kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định. - Thông tư số 82/2020/TT-BTC ngày 22/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông.
--	---



Phụ lục: Mẫu Đơn đề nghị kiểm định

(TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH..(1)...

Kính gửi: (tổ chức kiểm định)

1. Tên Tổ chức/Doanh nghiệp đề nghị kiểm định:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

2. Tên Tổ chức/Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

3. Đề nghị kiểm định cho..(1) (danh sách, nội dung kèm theo).

4. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: ..(2)..

5. Tài liệu kèm theo bao gồm:

a) Kết quả đo kiểm.

b) Tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng..(1)..(trong trường hợp kiểm định lần đầu).

(Tổ chức/Doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú:

(1)- Tên thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đề nghị kiểm định.

(2)- Tên Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

Mẫu 2.1 -DANH SÁCH CÁC TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Đơn đề nghị kiểm định số ... ngày ... của ...)

STT	Địa điểm lắp đặt	Tỉnh/TP	Toạ độ (1)	Doanh nghiệp (2)	Số lượng trạm gốc (3)	Mã trạm gốc	Chủng loại thiết bị phát (4)	Số máy phát, thu-phát hoặc số sóng mang (5)	Tổng công suất phát từng ăng ten (6)	Số ăng ten phát (7)	Băng tần hoạt động (8)	Độ cao ăng ten (9)	Độ cao công trình xây dựng (10)	Số Giấy chứng nhận kiểm định (11)	Ghi chú (12)
1															

Ghi chú:

- (1)– Toạ độ: kinh độ, vĩ độ nơi lắp đặt trạm gốc.
- (2)– Trường hợp các trạm gốc của các doanh nghiệp khác nhau lắp đặt trên cùng 1 cột ăng ten hoặc tại cùng vị trí thì ghi đầy đủ tên các doanh nghiệp.
- (3)– Số lượng trạm gốc lắp đặt trên cùng 1 cột ăng ten hoặc tại cùng vị trí của từng doanh nghiệp.
- (4)– Chung loại thiết bị phát sóng tần số radio của từng trạm gốc. Ví dụ: ALCATEL EVOLIUM A9100.
- (5)– Tổng số máy phát tín hiệu đến từng ăng ten hoặc số sóng mang của từng trạm gốc. Trường hợp có nhiều ăng ten hoặc số sóng mang thì số máy phát đến từng ăng ten cách nhau bằng dấu “/”. Ví dụ: 2/2/2.
- (6)– Tổng công suất phát từng ăng ten (W) của toàn bộ các trạm gốc: tổng công suất cực đại của tất cả các máy phát đến trước feeder/jumper dẫn tín hiệu lên từng ăng ten. Trường hợp có nhiều ăng ten thì ghi công suất phát đến từng ăng ten cách nhau bằng dấu “/”. Ví dụ: 71,49W/71,49W/71,49W.
- (7)– Tổng số ăng ten phát sóng của từng trạm gốc. Ví dụ: 3.
- (8)– Băng tần hoạt động của từng trạm gốc (MHz). Ví dụ: 900 MHz (2G), 1800 MHz (4G),...
- (9)– Độ cao từng ăng ten của tất cả trạm gốc tính từ mặt đất đến mép dưới của mỗi ăng ten.
- (10) – Độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng (trong đó có người sinh sống, làm việc) trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc đó. Trong hợp không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc thì bỏ trống.
- (11) – Trường hợp trạm gốc kiểm định lần đầu thì bỏ trống. Trường hợp trạm gốc kiểm định lại, bất thường thì ghi số Giấy chứng nhận kiểm định hiện tại của trạm gốc.
- (12)– Ghi tương ứng là 1 – kiểm định lần đầu; 2 – kiểm định lại; 3 – kiểm định bất thường.